ỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNH HẢI KHU VỰC IX

Số: 233 /BC-CTHTHHKV IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO
Công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi:
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Thực hiện Công văn số 872/TCTBĐATHHMN-KTKH ngày 06/5/2021 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định.

Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực IX trân trọng báo cáo việc công bố thông tin có kèm theo các biểu mẫu như sau:

1. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 6 tháng của doanh nghiệp năm 2021.
2. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Công ty (để b/c);
- Ban GĐ, KSV Cty;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3500997973 CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX TP. VŨNG TÀU T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

Phan Minh Tuấn

CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

MST: 3500997973

Số: 234/BC-CTHTHHKV IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 19 tháng 7 năm 2021

BIỂU SỐ 5:
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY.

Bảng số 1: Các Quyết định của Chủ tịch công ty

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	70/QĐ-CTHTHHKV IX	26/2/2021	Phê duyệt tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
2	72/QĐ-CTHTHHKV IX	26/2/2021	Phê duyệt tạm trích quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý và người lao động năm 2021
3	105/QĐ-CTHTHHKV IX	17/3/2021	Phê duyệt kế hoạch lao động năm 2021

II. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN: Không

III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC: Không

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Phan Minh Tuấn

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

MST: 3 5 0 0 9 9 7 9 7 3

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

		Trang
1.	THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
2.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 3
3.	BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 4
4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021	
4.1	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 8
4.2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9 - 9
4.3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
4.4	Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 22

****

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hoa tiêu khu vực IX, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 25 tháng 6 năm 2010, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa tiêu khu vực IX thành Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011 theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	3500997973	02/12/2008	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500997973	29/10/2010	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ hai	3500997973	01/10/2012	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ ba	3500997973	19/03/2015	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ tư	3500997973	03/07/2017	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ năm	3500997973	21/03/2019	37.828.672.422

Chủ sở hữu	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam	37.828.672.422	100,00

Ngành, nghề kinh doanh được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp:

- Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu tàu, chuyển tải thuộc khu vực dầu khí phía Nam và các tuyến dẫn tàu được giao;
- Dịch vụ đào tạo hoa tiêu và cung ứng lao động;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ	:	Số 279 đường 3/2, Phường 11,Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại	:	(0254) 3 527 117
Fax	:	(0254) 3 527 111
Mã số thuế	:	3 5 0 0 9 9 7 9 7 3

CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên điều hành trong kỳ 06 tháng kết thúc tại 30/6/2021 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

		Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	Ghi chú
Ông	Vũ Tiến Việt	Chủ tịch	01/11/2017	-	-
Ông	Phan Minh Tuấn	Giám đốc	01/07/2017	-	-
Bà	Lê Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc	16/01/2019	-	-

Bà Thái Thị Hoa, phó trưởng phòng kế toán - tài chính, được giao nhiệm vụ phụ trách kế toán Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải Khu vực IX kể từ ngày 01/01/2021, theo Quyết định số 365/QĐ-CTHTHHKV IX, ngày 28/12/2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Phan Minh Tuấn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - chi nhánh Đệ Nhất là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Phan Minh Tuấn
Giám đốc
Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2021

Số: 31 /2021/BCTC-FAC.VT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 07 năm 2021, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.*

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH ĐỆ NHẤT

Lê Minh Lưu - Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0702-2018-099-1

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính :VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**11.216.894.635**	**11.557.656.293**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**990.843.461**	**713.385.286**
1. Tiền	111		990.843.461	713.385.286
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**8.600.000.000**	**8.400.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	8.600.000.000	8.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.397.027.760**	**2.347.363.094**
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	1.101.225.432	1.825.724.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	295.802.328	521.638.815
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**229.023.414**	**96.907.913**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	71.400.750	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	157.622.664	96.907.913
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX
Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ(tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**28.080.527.479**	**28.642.197.314**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**4.000.000**	**4.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	7	4.000.000	4.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**27.936.772.734**	**28.375.274.747**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	15.454.297.130	15.666.391.508
Nguyên giá	222		19.403.908.946	19.403.908.946
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.949.611.816)	(3.737.517.438)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	12.482.475.604	12.708.883.239
Nguyên giá	228		14.402.560.910	14.402.560.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.920.085.306)	(1.693.677.671)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**139.754.745**	**262.922.567**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	139.754.745	262.922.567
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**39.297.422.114**	**40.199.853.607**

Mẫu số B01-DN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.468.749.692**	**2.371.181.185**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.468.749.692**	**2.371.181.185**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	20.955.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	38.128.503	411.436.223
4. Phải trả người lao động	314		1.003.083.796	1.434.395.910
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		54.545.455	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		24.000	425.425
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	352.012.938	524.923.627
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

Mẫu số B01-DN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**37.828.672.422**	**37.828.672.422**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**14**	**37.828.672.422**	**37.828.672.422**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.828.672.422	37.828.672.422
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**39.297.422.114**	**40.199.853.607**

Thái Thị Hoa	**Thái Thị Hoa**	**Phan Minh Tuấn**
Người lập	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm 2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**15.1**	**5.036.869.882**	**6.364.325.116**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**15.1**	**5.036.869.882**	**6.364.325.116**
4. Giá vốn hàng bán	11	16	2.382.413.185	3.120.673.636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**2.654.456.697**	**3.243.651.480**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.2	234.466.348	120.099.529
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	2.591.755.123	2.923.247.644
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**297.167.922**	**440.503.365**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	**40**		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**297.167.922**	**440.503.365**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	59.433.584	88.100.673
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**237.734.338**	**352.402.692**

Thái Thị Hoa	**Thái Thị Hoa**	**Phan Minh Tuấn**
Người lập	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2021

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm 2021	2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***297.167.922***	***440.503.365***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu t	02	8;9	438.502.013	403.842.546
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lạ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	15.2	(234.466.348)	(120.099.529)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***501.203.587***	***724.246.382***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		699.153.849	(208.276.100)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(729.520.804)	(203.702.537)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		51.767.072	95.519.623
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13	100.000.000	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	13	(510.645.027)	(581.588.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**111.958.677**	**26.198.502**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(7.600.000.000)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.400.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	8.328.168.536
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		365.499.498	336.279.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**165.499.498**	**(335.552.099)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm 2021	2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**277.458.175**	**(309.353.597)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	4	**713.385.286**	**1.473.512.133**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	4	**990.843.461**	**1.164.158.536**

Thái Thị Hoa	**Thái Thị Hoa**	**Phan Minh Tuấn**
Người lập	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Hoa tiêu khu vực IX, là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 25 tháng 6 năm 2010, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa tiêu khu vực IX thành Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011 theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	3500997973	02/12/2008	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500997973	29/10/2010	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ hai	3500997973	01/10/2012	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ ba	3500997973	19/03/2015	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ tư	3500997973	03/07/2017	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ năm	3500997973	21/03/2019	37.828.672.422

Chủ sở hữu	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam	37.828.672.422	100,00

Ngành, nghề kinh doanh được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp:

- Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu tàu, chuyển tải thuộc khu vực dầu khí phía Nam và các tuyến dẫn tàu được giao;
- Dịch vụ đào tạo hoa tiêu và cung ứng lao động;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 25 người, ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 32 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty thuê. Thời gian hữu dụng của Quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không khấu hao.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc	50	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị quản lý	03-08	năm
- Quyền sử dụng đất	41,7	năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, khấu hao tài sản cố định, chi phí vật liệu - công cụ - dụng cụ dùng cho quản lý.

3.14 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.
Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty như sau: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Tiền mặt	40.266.856	201.072.444
Tiền gửi ngân hàng	950.576.605	512.312.842
TỔNG CỘNG	**990.843.461**	**713.385.286**

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	Giá gốc	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	8.600.000.000	-	8.400.000.000	-
TỔNG CỘNG	**8.600.000.000**	**-**	**8.400.000.000**	**-**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn trên 03 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 5,4% đến 6,3% một năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu từ các bên liên quan	-	-
Phải thu của khách hàng khác	**1.101.225.432**	**1.825.724.279**
- Công ty Cổ phần Logistic Chim Ưng	489.503.729	458.680.782
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	212.091.433	-
- Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Khang	166.463.733	330.371.455
- Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu PVTrans	-	597.428.886
- Các khách hàng khác	233.166.537	439.243.156
TỔNG CỘNG	**1.101.225.432**	**1.825.724.279**
<u>Dài hạn</u>		
TỔNG CỘNG	-	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngắn hạn		
Phải thu khác từ các bên liên quan	-	-
Phải thu khác	**295.802.328**	**521.638.815**
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	171.138.905	302.172.055
- Tạm ứng cho nhân viên	64.000.000	-
- Thuế Thu nhập cá nhân phải thu	60.663.423	219.240.132
- Các khoản phải thu khác	-	226.628
TỔNG CỘNG	**295.802.328**	**521.638.815**
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu khác	**4.000.000**	**4.000.000**
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.000.000	4.000.000
TỔNG CỘNG	**4.000.000**	**4.000.000**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	17.718.470.737	1.342.679.766	342.758.443	19.403.908.946
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**17.718.470.737**	**1.342.679.766**	**342.758.443**	**19.403.908.946**
TSCĐ hết khấu hao nhưng còn sử dụng	-	1.342.679.766	95.880.717	1.438.560.483
Hao mòn lũy kế				
Số đầu kỳ	2.166.234.926	1.342.679.766	228.602.746	3.737.517.438
Trích khấu hao	187.066.962	-	25.027.416	212.094.378
Số cuối kỳ	**2.353.301.888**	**1.342.679.766**	**253.630.162**	**3.949.611.816**
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	15.552.235.811	-	114.155.697	15.666.391.508
Số cuối kỳ	**15.365.168.849**	**-**	**89.128.281**	**15.454.297.130**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất do chuyển đổi mục đích sử dụng, từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở kinh doanh để xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc Công ty.

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	14.402.560.910	-	-	14.402.560.910
CỘNG	**14.402.560.910**	**-**	**-**	**14.402.560.910**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	1.693.677.671	226.407.635	-	1.920.085.306
CỘNG	**1.693.677.671**	**226.407.635**	**-**	**1.920.085.306**
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	12.708.883.239			12.482.475.604
CỘNG	**12.708.883.239**			**12.482.475.604**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
	-	-
Ngắn hạn		
- Chi phí đồng phục	71.400.750	-
TỔNG CỘNG	**71.400.750**	**-**
Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ	127.220.313	242.561.017
- Chi phí sửa chữa	12.534.432	20.361.550
TỔNG CỘNG	**139.754.745**	**262.922.567**

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Ngắn hạn				
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả người bán khác	**20.955.000**	**20.955.000**	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Long	18.800.000	18.800.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	2.155.000	2.155.000	-	-
TỔNG CỘNG	**20.955.000**	**20.955.000**	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	-	-	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Thuế giá trị gia tăng	38.128.503	24.056.690
Thuế thu nhập cá nhân	-	387.379.533
TỔNG CỘNG	**38.128.503**	**411.436.223**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau :

	Số đầu kỳ	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	24.056.690	116.154.427	102.082.614	38.128.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(87.247.525)	59.433.584	-	(27.813.941)
Thuế thu nhập cá nhân	387.379.533	313.271.330	820.799.198	(120.148.335)
Thuế nhà đất (*)	(9.660.388)	-	-	(9.660.388)
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	**314.528.310**	**491.859.341**	**925.881.812**	**(119.494.161)**

(*) Trong đó: Số nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước (mã số 153).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 3.14 và thuyết minh số 19.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu kỳ	*Tăng trong kỳ*	*Chi quỹ trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty	12.785.480	-	-	12.785.480
Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	512.138.147	337.734.338	510.645.027	339.227.458
Trong đó:				
Trích lập từ lợi nhuận	-	*237.734.338*	-	
Khen thưởng từ chủ sở hữu	-	*100.000.000*	-	
TỔNG CỘNG	**524.923.627**	**337.734.338**	**510.645.027**	**352.012.938**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Tại 01/01/2020	**37.828.672.422**	**-**	**37.828.672.422**
Lợi nhuận trong năm	-	243.020.726	243.020.726
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(243.020.726)	(243.020.726)
Tại 31/12/2020	**37.828.672.422**	**-**	**37.828.672.422**
Lợi nhuận trong kỳ	-	237.734.338	237.734.338
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(237.734.338)	(237.734.338)
Tại 30/06/2021	**37.828.672.422**	**-**	**37.828.672.422**

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký KD		Thực tế góp (Mã số 411)	
	Số tiền vốn điều lệ (VND)	Sở hữu (%)	Vốn góp của Chủ sở hữu (VND)	Chênh lệch (VND)
Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	37.828.672.422	100,00%	37.828.672.422	-
TỔNG CỘNG	**37.828.672.422**	**100,00%**	**37.828.672.422**	**-**

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
	2021	*2020*
Tổng doanh thu	**5.036.869.882**	**6.364.325.116**
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.036.869.882	6.364.325.116
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**-**
Doanh thu thuần	**5.036.869.882**	**6.364.325.116**
Trong đó :		
- Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
- Doanh thu dịch vụ Hoa tiêu	4.927.233.518	6.225.234.207
- Doanh thu khác	109.636.364	139.090.909

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
	2021	*2020*
Lãi tiền gửi	234.466.348	120.099.529
TỔNG CỘNG	**234.466.348**	**120.099.529**

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
	2021	*2020*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.382.413.185	3.120.673.636
TỔNG CỘNG	**2.382.413.185**	**3.120.673.636**

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
	2021	*2020*
Chi phí nhân viên quản lý	1.392.691.391	1.655.460.679
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.038.895	34.844.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	434.518.013	399.858.546
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.196.636	826.934.986
Các chi phí khác	3.310.188	3.149.205
TỔNG CỘNG	**2.591.755.123**	**2.923.247.644**

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
	2021	*2020*
Chi phí nhân công	3.492.349.807	4.473.856.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.502.013	403.842.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.006.300	1.160.072.880
Chi phí khác bằng tiền	6.310.188	6.149.205
TỔNG CỘNG	**4.974.168.308**	**6.043.921.280**

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
	2021	*2020*
a) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**297.167.922**	**440.503.365**
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
b) Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Chi phí không được khấu trừ	-	-
c) Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
d) Lợi tức chịu thuế ước tính trong năm (a+b)	**297.167.922**	**440.503.365**
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông 20%	59.433.584	88.100.673
e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**59.433.584**	**88.100.673**

20. LƯƠNG NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN

	Năm tài chính 2021	*Năm tài chính 2020*
- Quỹ tiền lương kế hoạch (a)	1.092.000.000	1.449.000.000
- Quỹ tiền lương thực hiện (tạm trích) (b)	546.000.000	1.695.330.000
- Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng được duyệt (c)	-	1.695.330.000

Chi tiết các quyết định

	Năm tài chính 2021		Năm tài chính 2020	
	Số quyết định	Thời gian	Số quyết định	Thời gian
a. Quỹ tiền lương Kế hoạch năm (chủ sở hữu Công ty phê duyệt)	587/QĐ-TCTBĐATHHMN	07/05/21	293/QĐ-TCTBĐATHHMN	03/04/2020
b. Quỹ tiền lương Thực hiện - số tạm trích (chủ tịch Công ty phê duyệt)	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021, tạm trích bằng 50% Quỹ tiền lương kế hoạch năm		375/QĐ-CTHTHHKV IX	31/12/2020
c. Quỹ tiền lương Thực hiện - số chính thức (chủ sở Công ty hữu phê duyệt)	Chưa phê duyệt		334/QĐ - TCTBĐATHHMN	30/03/2021

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	***Mối quan hệ***
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn Hàng hải Miền Nam	Chủ sở hữu
Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6 năm	
Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*2021*	*2020*
Tổng Công ty Đảm bảo an toàn Hàng hải Miền Nam	*Nhận tiền khen thưởng*	100.000.000	200.000.000
Các giao dịch với các bên liên quan khác			
Thu nhập của Chủ tịch, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Lương và thưởng		644.173.639	770.511.564

Thái Thị Hoa	**Thái Thị Hoa**	**Phan Minh Tuấn**
Người lập	**Phụ trách Kế toán**	**Giám đốc**

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2021